|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ**  TỔ LỊCH SỬ – ĐỊA LÍ – GDKT&PL | **KIỂM TRA HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2023 – 2024**  **MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 12**  *Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)* |

**A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: ĐỊA LÍ 12** *(Thời gian làm bài 45 phút***,** *Học sinh được sử dụng Át lát Địa lí Việt Nam xuất bản từ năm 2009 trở lại đây)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên chủ đề | Nhận biết  (40 %) | Thông hiểu  (30%) | Vận dụng cấp thấp (20%) | Vận dụng cấp cao  (10%) | Cộng |
| **Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa**  **(**Bài 9,10**)** | 3 câu - 0,75 điểm  (17,5%) | 2 câu – 0,5 điểm  (10%) |  | 1 câu - 0,25 điểm  (2,5%) | 6 câu |
| **Thiên nhiên phân hóa đa dạng (**Bài 11,12) | 7 câu - 1,75 điểm (17,5%) | 4 câu – 1,0 điểm  (10%) | 4 câu - 1,0 điểm  (10%) | 2 câu - 0,5 điểm  (5%) | 17 câu |
| Bài 14. **Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên** | 5 câu - 1,25 điểm (12,5%) | 3 câu - 0,75 điểm(7,5%) | 1 câu - 0,25 điểm  (2,5%) | 1 câu - 0,25 điểm  (2,5%) | 10 câu |
| Bài 15. **Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai** | 1 câu - 0,25 điểm(2,5%) | 3 câu - 0,75 điểm  (7,5%) | 3 câu 0,75 điểm  (7,5%) |  | 7 câu |
| **Tổng số** | 16 câu - 4 điểm  (40%) | 12 câu - 3 điểm  (30%) | 8 câu - 2 điểm  20% | 4 câu - 1 điểm  (10%) | Số câu:  40  Số điểm  10 điểm |

**B. BẢN ĐẶC TẢ , MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: ĐỊA LÍ 12**

| **Tên chủ đề** | **Nội dung** | **Mức độ kiểm tra, đánh giá** | **Nhận biết**  **(40 %)** | **Thông hiểu**  **(30%)** | **Vận dụng cấp thấp (20%)** | **Vận dụng cấp cao**  **(10%)** | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa**  **(**Bài 9,10**)** | – Biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa  – Ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống | **Nhận biết**  – Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác.  **Thông hiểu**  – Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống.  **Vận dụng**  – Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. | 3 câu - 0,75 điểm  (17,5%) | 2 câu – 0,5 điểm  (10%) |  | 1 câu - 0,25 điểm  (2,5%) | 6 câu |
| **Thiên nhiên phân hóa đa dạng (**Bài 11,12) | – Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên  – Các miền địa lí tự nhiên  – Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế -  xã hội | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.  **Thông hiểu**  – Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao.  – Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước.  **Vận dụng**  – Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.  **Vận dụng cao**  – Trình bày được báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam. | 7 câu - 1,75 điểm (17,5%) | 4 câu – 1,0 điểm  (10%) | 4 câu - 1,0 điểm  (10%) | 2 câu - 0,5 điểm  (5%) | 17 câu |
| Bài 14. **Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên** | – Sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên  – Bảo vệ môi trường | **Nhận biết**  – Trình bày được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta.  **Thông hiểu**  - Giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta.  – Chứng minh và giải thích được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam.  **Vận dụng**  – Nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên ở nước ta.  – Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường Việt Nam.  **Vận dụng cao**  – Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng tham gia vào việc sử dụng hợp lí tài nguyên hoặc bảo vệ môi trường ở địa phương. | 5 câu - 1,25 điểm (12,5%) | 3 câu - 0,75 điểm(7,5%) | 1 câu - 0,25 điểm  (2,5%) | 1 câu - 0,25 điểm  (2,5%) | 10 câu |
| Bài 15. **Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai** | - Bảo vệ môi trường  - Một số thiên tai chủ yếu và biện pháp phòng chống | **- Nhận biết:** trình bày được nơi thường xảy ra các thiên tai chính  **- Thông hiểu**: giải thích được nguyên nhân của 2 số thiên tai  **- Vận dụng: -** Đọc được bản đồ về hoạt động của bão, các khu vực hạn hán  - Giải pháp để giảm hậu quả của thiên tai | 1 câu - 0,25 điểm(2,5%) | 3 câu - 0,75 điểm  (7,5%) | 3 câu 0,75 điểm  (7,5%) |  | 7 câu |
| **Tổng số** |  |  | 16 câu - 4 điểm  (40%) | 12 câu - 3 điểm  (30%) | 8 câu - 2 điểm  20% | 4 câu - 1 điểm  (10%) | Số câu:  40  Số điểm  10 điểm |